

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Lê Anh T**, sinh năm 1979

ĐKHKT: Số 81 phố L, phường T, quận H, Thành phố H

2. Chị **Trần Huyền T1**, sinh năm 1980

ĐKHKT: Số 81 phố L, phường T, quận H, Thành phố H

Hiện ở tại: Số 8/29/93, đường H, phường H, quận H, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh T và chị Trần Huyền T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố H ngày 18/5/2006 (Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 01/2006) là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không còn tình cảm. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không mang lại kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Lê Lâm T2, sinh ngày 13/4/2007; Lê Phương T3, sinh ngày 14/3/2009; Lê Phương T4, sinh ngày 20/01/2014.

Anh chị thỏa thuận, sau khi ly hôn anh Lê Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Lâm T2 và cháu Lê Phương T4 kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Lê Lâm T2, Lê Phương T4 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; chị Trần Huyền T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Phương T3 kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Lê Anh T không yêu cầu chị Trần Huyền T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phương T3 cho chị Trần Huyền T1 là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi. Kể từ khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi, anh Lê Anh T tự nguyện hỗ trợ cho cháu Lê Phương T2 19.000.000 (mười chín triệu) đồng/tháng trong vòng 05 (năm) năm.

Anh Lê Anh T, chị Trần Huyền T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà, đất ở chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Anh chị xác nhận vợ chồng không cho ai vay nợ chung và cũng không vay nợ chung ai.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Anh T tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Anh T** và chị **Trần Huyền T1** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là **Lê Lâm T2**, sinh ngày 13/4/2007; **Lê Phương T3**, sinh ngày 14/3/2009 và **Lê Phương T4**, sinh ngày 20/01/2014.

Anh chị thỏa thuận, sau khi ly hôn anh Lê Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Lâm T2 và cháu Lê Phương T4 kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Lê Lâm T2, Lê Phương T4 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Chị Trần Huyền T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Phương T3 kể từ tháng 01 năm 2021 đến khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Lê Anh T không yêu cầu chị Trần Huyền T1 cấp dưỡng nuôi hai con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lê Phương T3 cho chị Trần Huyền T1

là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi. Kể từ khi cháu Lê Phương T3 đủ 18 tuổi, anh Lê Anh T tự nguyện hỗ trợ cho cháu Lê Phương T3 19.000.000 (mười chín triệu) đồng/tháng trong vòng 05 (năm) năm.

Anh Lê Anh T, chị Trần Huyền T1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nhà, đất ở chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Vợ chồng không cho ai vay nợ chung và cũng không vay nợ chung ai.

**2. Về lệ phí Tòa án**: Anh Lê Anh T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0018146 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- CCTHADS quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Cao Văn Thắng**